



ĐÁNH GIÁ SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN ĐỊA PHƯƠNG TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG TẠI LÀNG NAM Ô - ĐÀ NẴNG

Hồ Thị Thanh Thanh^{1,2,*}, Nguyễn Thị Như Hoa¹

¹ Trường Du lịch, Đại học Huế, 22 Lâm Hoàng, Huế, Việt Nam

² Trường Cao đẳng Thương Mại, 45 Dũng Sĩ Thanh Khê, Đà Nẵng, Việt Nam

* Tác giả liên hệ: Hồ Thị Thanh Thanh <thanhthanhk49ttmkt@gmail.com>

(Ngày nhận bài: 19-11-2021; Ngày chấp nhận đăng: 9-12-2022)

Tóm tắt. Sự tham gia của người dân đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển du lịch tại địa phương, đặc biệt là hoạt động du lịch dựa vào cộng đồng. Nghiên cứu này thực hiện nhằm phân tích và đánh giá thực trạng tham gia của người dân địa phương đối với hoạt động du lịch tại làng Nam Ô, thành phố Đà Nẵng. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng sự tham gia của cộng đồng địa phương vào phát triển du lịch tại làng Nam Ô, Đà Nẵng chỉ mang tính hình thức, thụ động chưa tương xứng với vai trò của người dân đối với hoạt động du lịch tại địa phương. Bên cạnh đó, kết quả nghiên cứu còn xác định các yếu tố nhằm thúc đẩy sự đồng thuận và tham gia của người dân vào hoạt động du lịch, bao gồm các yếu tố về cơ chế và chính sách, đặc điểm của cộng đồng địa phương cũng như lợi ích kinh tế. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại một số rào cản đối với sự tham gia của người dân trong hoạt động du lịch là các rào cản về cơ chế và nguồn lực, rào cản về tổ chức hoạt động tại địa phương. Từ đó, bài báo đã đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao sự tham gia của người dân địa phương đối với phát triển du lịch tại làng Nam Ô, bao gồm: khuyến khích đầu tư phát triển du lịch tại địa phương, tạo cơ hội và gia tăng mức độ tham gia của người dân trong phát triển du lịch.

Từ khóa: du lịch dựa vào cộng đồng, sự tham gia người dân địa phương, làng Nam Ô

Assessment of local participation in community - based tourism in Nam O village Da Nang city

Ho Thi Thanh Thanh^{1, 2, *}, Nguyen Thi Nhu Hoa¹

¹School of Hospitality and Tourism, Hue University, 22 Lam Hoang St., Hue, Vietnam

²College of Commerce, Dung Si Thanh Khe St., Da Nang, Vietnam

* Correspondence to Ho Thi Thanh Thanh <thanhthanhk49ttmkt@gmail.com>

(Received: November 19, 2022; Accepted: December 9, 2022)

Abstract. The participation of local people plays an important role in the development of local tourism, especially community-based tourism. This study analyzes and evaluates the current status of local people's participation in tourism activities in Nam O village, Da Nang city. Research results show that the involvement of the local community in tourism development in Nam O village, Da Nang city is only formal and passive, not commensurate with the role of local people in local tourism activities. In addition, the study also identified additional factors that promote the consent and participation of local people in tourism activities, which are the factors of mechanisms and policies, the characteristics of the local community, as well as economic benefits. However, there are still some barriers to people's participation in tourism activities, which are barriers in terms of mechanisms and resources as well as organizational barriers. Since then, the article has proposed several solutions to improve the participation of local people in tourism development in Nam O village, Da Nang city, including encouraging investment in tourism development, locally, creating opportunities and increasing the level of people's participation in tourism development.

Keywords: community-based tourism, local people's participation, Nam O village

1 Đặt vấn đề

Trong những năm gần đây, Du lịch cộng đồng (Community-Based Tourism - CBT) ngày càng được quan tâm chú ý từ nhiều đối tượng khác nhau bao gồm cả tổ chức phát triển địa phương và quốc tế, doanh nghiệp du lịch, các viện nghiên cứu và các cấp chính quyền, các tổ chức giáo dục đào tạo và cộng đồng địa phương. Hiện nay, Việt Nam được đánh giá là nơi có nguồn tài nguyên du lịch đa dạng và phong phú về cảnh quan thiên nhiên, di sản văn hóa và nhiều nghề thủ công địa phương. Đây là điều kiện quan trọng để nhiều địa phương trong cả nước như Hà Giang, Huế, Đà Nẵng, Bến Tre phát triển du lịch cộng đồng. Riêng đối với Đà Nẵng, đây là thành phố có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển mô hình du lịch cộng đồng. Thành phố

du lịch biển, có điểm đến cực kì hấp dẫn khách du lịch và Nam Ô là một trong những điểm du lịch biển mà du khách rất thích khám phá khi đến Đà Nẵng. Với thiên nhiên hoang sơ, cát trắng, rêu xanh Nam Ô có nhiều điều kiện về các giá trị thiên nhiên, di tích, lễ hội, làng nghề truyền thống...

Mặc dù mô hình du lịch cộng đồng có nhiều tác động tích cực đến các ngành kinh tế khác, đồng thời tạo công ăn việc làm cho người dân, tuy nhiên không phải lúc nào người dân địa phương cũng được hưởng lợi ích từ mô hình du lịch này. Hiện nay, một số doanh nghiệp du lịch không chú trọng vấn đề này mà chỉ tập trung vào lợi nhuận mà họ đạt được từ việc bán sản phẩm tour du lịch. Các công ty du lịch chưa thật sự quan tâm đến chất lượng dịch vụ và đời sống của người dân địa phương. Các doanh nghiệp này chưa nhận thức rõ vai trò của người dân địa phương là một trong những đối tượng tham gia trực tiếp vào quá trình cung ứng trực tiếp dịch vụ cho khách du lịch từ dịch vụ ăn, ở, chia sẻ cho du khách các phong tục tập quán của địa phương. Chỉ khi nào đáp ứng được nhu cầu của người dân và cho người dân thấy được lợi ích từ việc tham gia vào hoạt động này thì mới có thể đáp ứng được nhu cầu của du khách một cách tốt nhất. Nếu như việc phát triển du lịch cộng đồng không đem lại cho người dân lợi ích về mặt kinh tế và không đáp ứng được nhu cầu của họ thì mô hình này sẽ không thể nào phát triển bền vững. Vì vậy, du lịch cộng đồng muốn phát triển bền vững thì nhất thiết phải có sự ủng hộ của cộng đồng địa phương. Đồng thời, giáo dục cộng đồng địa phương về vai trò quan trọng của họ trong phát triển du lịch bằng cách tăng cường sự tham gia của cộng đồng địa phương (CĐDP) vào việc phát triển du lịch, quảng bá hay trực tiếp tham gia vào các hoạt động du lịch như cung cấp các sản phẩm du lịch và được hưởng những lợi ích từ các hoạt động đó.

Nghiên cứu này hướng đến các mục tiêu cơ bản trong việc đánh giá sự tham gia của người dân địa phương trong phát triển điểm du lịch cộng đồng tại Nam Ô – Đà Nẵng. Từ đó có thể định hướng, đưa ra hàm ý chính sách nhằm tăng cường sự tham gia của người dân địa phương đối với hoạt động du lịch tại làng Nam Ô, thành phố Đà Nẵng.

2 Cơ sở lý thuyết

2.1 Khái niệm về sự tham gia của cộng đồng trong phát triển du lịch

Tosun [1] nhận định: sự tham gia của cộng đồng là một trong những yếu tố quan trọng của công cuộc tìm kiếm thành công về sự bền vững trong ngành du lịch, nhưng “rất khó để đưa ra một nhận định chung về sự tham gia của cộng đồng”. Ông cho rằng không có sự thống nhất giữa

các nhà nghiên cứu về định nghĩa của thuật ngữ này và mỗi nhà nghiên cứu cần định nghĩa và giải thích sự tham gia của cộng đồng trong quá trình phát triển du lịch để thực hiện các mục tiêu cụ thể của họ. Theo Tosun [1] *“Sự tham gia cho phép các cộng đồng địa phương tại các điểm đến du lịch khác nhau ở mức độ phát triển khác nhau tham gia vào quá trình ra quyết định phát triển du lịch bao gồm việc chia sẻ lợi ích của việc phát triển du lịch và xác định các loại hình cũng như quy mô phát triển du lịch tại địa phương”*. Hơn nữa, mục đích chính của phát triển du lịch dựa vào cộng đồng là trao quyền cho cộng đồng sở tại. Tuy nhiên, điều này chỉ có thể đạt được bằng cách để cho cộng đồng địa phương tham gia trong quá trình ra quyết định của phát triển du lịch và những lợi ích của du lịch.

Theo Điều 6 Luật Du lịch [2], Cộng đồng dân cư có quyền tham gia và hưởng lợi ích hợp pháp từ hoạt động du lịch; có trách nhiệm bảo vệ tài nguyên du lịch, bản sắc văn hóa địa phương; giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó, Cộng đồng dân cư được tạo điều kiện để đầu tư phát triển du lịch, khôi phục và phát huy các loại hình văn hóa, nghệ thuật dân gian, ngành, nghề thủ công truyền thống, sản xuất hàng hóa của địa phương phục vụ khách du lịch, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân địa phương. Do sự khác biệt của các tiêu chí về sự tham gia của cộng đồng trong du lịch đã dẫn đến sự khác biệt về các quan điểm và khái niệm. Nghiên cứu này đã sử dụng cách tiếp cận như sau: Sự tham gia của CDDP trong phát triển du lịch là một quá trình. Quá trình này được bắt đầu từ khi nhận thức được vai trò, lợi ích của du lịch đối với địa phương, được thể hiện bằng việc thực hiện các hoạt động du lịch của chính người dân địa phương theo các hình thức, mức độ và thời gian khác nhau.

2.2 Các hình thức tham gia của cộng đồng địa phương trong phát triển du lịch

Du lịch cộng đồng thường không tồn tại độc lập mà có tính liên kết chặt chẽ với các loại hình du lịch khác để tạo thành những sản phẩm du lịch đảm bảo các nội dung. Theo Thammajinda [3], các dạng tham gia phổ biến của cộng đồng trong hoạt động du lịch có thể kể đến như sau (Bảng 1).

Bảng 1. Một số hình thức tham gia thực tế của cộng đồng vào hoạt động du lịch

Hình thức tham gia	Các hoạt động tham gia thực tế của cộng đồng
Quy hoạch, dự án	<ul style="list-style-type: none"> – Tham gia vào các cuộc họp về du lịch tại địa phương – Tham gia vào bầu các ban quản lý du lịch địa phương định kỳ – Thành lập diễn đàn, câu lạc bộ, nhóm, đội ... để thảo luận về du lịch tại địa phương và tác động của du lịch đến địa phương. – Thành lập quỹ đầu tư du lịch để đảm bảo rằng hoạt động du lịch được bàn bạc và hỗ trợ bởi người dân và quỹ này dùng để hỗ trợ cho các dự án phát triển du lịch cộng đồng – Chính quyền địa phương khuyến khích kêu gọi người dân tham gia vào hoạt động du lịch
Kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> – Tham gia của cá nhân cung cấp dịch vụ du lịch sẵn có của địa phương. – Thành lập tổ chức cộng đồng để quản lý công ty du lịch của cộng đồng. – Đầu tư vào dự án du lịch để thu lợi nhuận. – Cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho công ty lữ hành. – Thành lập nhóm hướng dẫn du lịch để tránh những vấn đề liên quan đến cộng đồng và tạo sự đồng thuận của cộng đồng địa phương trong hoạt động du lịch.
Quảng bá	<ul style="list-style-type: none"> – Thiết kế trang thông tin điện tử, website giới thiệu dự án, hoạt động, điểm tham quan, tuyến tham quan. – Tham gia xây dựng phóng sự du lịch về cộng đồng – Thiết kế bảng quảng cáo, in tờ rơi ...

Nguồn: Thammajinda [3]

2.3 Các lý thuyết và mức độ về sự tham gia của cộng đồng địa phương vào hoạt động du lịch

Theo Arnstein [4] sự tham gia của người dân là phân phối lại quyền lực cho phép họ được tham gia và có tiếng nói quyết định trong tương lai. Đây là phương tiện để họ có thể tạo ra những cải cách xã hội quan trọng, cho phép họ chia sẻ lợi ích của xã hội. Điểm quan trọng nhất của mô hình là mức độ trao quyền cho người dân. Arnstein đã tiếp cận vấn đề này dưới dạng mô hình bậc thang để đánh giá sự tham gia của người dân bao gồm 8 cấp độ được sắp xếp trong một mô hình bậc thang với mỗi bậc tương ứng mức độ quyền lực của người dân trong cộng đồng (Bảng 2).

Bảng 2. Các mức độ tham gia của cộng đồng địa trong phát triển du lịch theo thang đo Arnstein

Mức độ tham gia		Hình thức biểu hiện
Quyền lực công dân/ Tham gia thực sự	8. Kiểm soát	Người dân tự hình thành ý tưởng, xây dựng dự án, và chỉ nhờ bên ngoài tư vấn, thảo luận, hỗ trợ khi cần.
	7. Được trao quyền	Người dân được trao quyền lực và chịu trách nhiệm giải quyết vấn đề của địa phương
	6. Hợp tác	Dàn xếp để phân phối lại quyền lực giữa người dân và chính quyền. Người dân có vai trò tích cực trong tiến trình ra quyết định.
Tham gia một cách hình thức	5. Động viên	Bầu những thành viên (không có tính đại diện - tokemism) vào tổ chức. Tham gia tích cực trong việc đưa ra ý kiến, quan điểm, nhưng quyết định cuối cùng vẫn thuộc về người điều phối. Có sự giao tiếp hai chiều.
	4. Tham vấn	Khảo sát thái độ, tổ chức các cuộc họp tại khu dân cư và tham khảo ý kiến cộng đồng. Ý kiến và quan điểm của người dân được lắng nghe thông qua các buổi tham vấn cộng đồng, nhưng quyết định cuối cùng thuộc về người tổ chức tham vấn.
	3. Thông báo	Người dân được thông báo (một chiều) về điều gì sẽ diễn ra, nhưng không được tạo cơ hội để chính họ tham gia
Không tham gia	2. Biện pháp	Chưa tạo ra sự tham gia, chỉ có mục đích đào tạo người tham gia nhằm thay đổi hành vi và ủng hộ kế hoạch của tổ chức
	1. Vận động/lôi kéo	

Nguồn: Arnstein [4]

- Pretty [5] đã xây dựng mô hình về sự tham gia của cộng đồng trong các dự án phát triển, chủ yếu tập trung vào vùng nông thôn. Mô hình này mô tả 7 cấp độ tham gia của cộng đồng vào hoạt động phát triển từ cấp độ thấp nhất đến cấp độ cao nhất (Bảng 3).

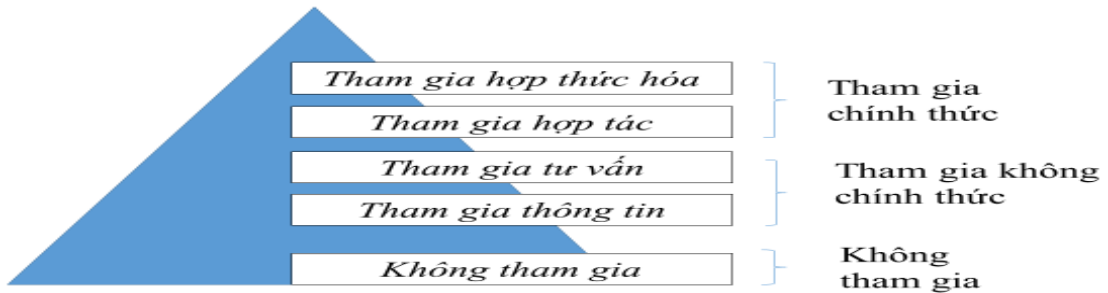
Bảng 3. Các mức độ tham gia của cộng đồng trong phát triển du lịch theo thang đo Pretty

Mức độ tham gia	Nội dung
1. Sự tham gia bị động	Cộng đồng được thông báo về việc phát triển du lịch, địa phương sẽ chuyển đổi sinh kế bằng các dịch vụ du lịch.
2. Tham gia trong việc đưa thông tin	Cộng đồng cung cấp thông tin hoặc trả lời các câu hỏi liên quan đến phát triển các dịch vụ du lịch tại địa phương địa phương khi được các cơ quan, tổ chức bên ngoài tham vấn,
3. Tham gia tư vấn	Cộng đồng tham gia các buổi họp liên quan đến chuyển đổi sinh kế truyền thống sang phát triển các dịch vụ du lịch tại địa phương.
4. Tham gia khi được khuyến khích về vật chất	Cộng đồng tham gia làm việc trong các cơ sở kinh doanh du lịch; cung cấp hàng hóa, thực phẩm cho các doanh nghiệp; cung cấp dịch vụ du lịch một cách tự phát.
5. Tham gia chức năng	Cộng đồng tham gia vào các nhóm chức năng du lịch (nhóm quản lý, nhóm văn nghệ, nhóm ẩm thực, nhóm hướng dẫn, nhóm sản xuất đặc sản địa phương) dưới sự giám sát của chính quyền hoặc các tổ chức bên ngoài.
6. Sự tham gia tương tác	Cộng đồng sở hữu doanh nghiệp kinh doanh du lịch, tham gia vào quá trình phân tích, lập kế hoạch, góp phần trong việc ra quyết định liên quan đến phát triển dịch vụ du lịch tại địa phương.
7. Tự vận động	Cộng đồng tự đưa ra sáng kiến và chủ động liên hệ tìm kiếm sự giúp đỡ bên ngoài, giữ quyền kiểm soát, quyết định, tự đầu tư và mở rộng hoạt động kinh doanh du lịch.

Nguồn: Pretty [5]

Từ lý thuyết của Pretty [5] đã được nhiều nhà nghiên cứu kế thừa, trong đó có tác giả Phạm Trung Lương [6] đã đưa ra mô hình về 7 mức độ tham gia của cộng đồng vào hoạt động phát triển du lịch gồm: Thụ động, đưa tin, tư vấn, khuyến khích, chức năng, tương tác, tự vận động. Cho thấy hoạt động du lịch tại địa phương chỉ thực sự thành công và bền vững nếu người dân đạt đến mức 7 là tự vận động, chủ trương trong hoạt động du lịch.

Theo Tosun [7] có 3 nhóm loại hình tham gia của cộng đồng vào hoạt động du lịch, đó là: Sự tham gia tự phát: dựa trên tinh thần tự nguyện, dựa vào nguồn lực nội tại của cộng đồng mà không có sự hỗ trợ từ bên ngoài. Vận động/lôi kéo tham gia: Động lực của sự tham gia này là được tài trợ, uỷ quyền một cách chính thức. Được thực hiện thông qua các chiến lược như thúc đẩy và đào tạo các nhà lãnh đạo địa phương để đảm nhận vai trò lãnh đạo, xây dựng các tổ chức tự quản và hỗ trợ các tổ chức dân sự và cộng đồng. Cường chế tham gia: Sử dụng các hình thức



Hình 2. Kim tự tháp mức độ tham gia của người dân địa phương

Nguồn: Kantsperger [8]

này mang lại kết quả tức thì nhưng về lâu dài, cộng đồng bị bắt buộc và thiếu sự ủng hộ sẽ làm giảm lợi ích của cộng đồng trong việc tham gia vào các hoạt động phát triển du lịch.

Dựa trên các công trình nghiên cứu nhiều tác giả có uy tín khoa học cao, Kantsperger [8] đã kết hợp để đưa ra mô hình kim tự tháp về mức độ tham gia của người dân địa phương vào phát triển du lịch, có thể dùng cho cả trường hợp những người dân không liên quan đến du lịch (Hình 2). Mô hình bắt đầu với “không tham gia”, bao gồm những người dân không liên quan đến du lịch, không tham gia hoặc không được thông báo gì về phát triển du lịch địa phương. Mức tiếp theo được gọi là “tham gia không chính thức” bao gồm các giai đoạn phụ là tham gia cung cấp thông tin và tham gia tư vấn. Khi mức độ tham gia ngày càng gia tăng thì người dân sẽ đạt đến mức “tham gia chính thức” có nghĩa là người tham gia đã chọn một mức độ hợp tác, thực hiện những nghĩa vụ hay trách nhiệm nhất định sẽ cam kết gắn bó lâu dài với một dự án phát triển du lịch tại địa phương.

3 Phương pháp nghiên cứu

Trong nghiên cứu của mình, tác giả đã chọn mô hình 7 bậc của Pretty để phân loại mức độ tham gia của cộng đồng địa phương vào hoạt động phát triển du lịch thông qua công tác hoạch định chiến lược và quy hoạch phát triển du lịch địa phương. Các tiêu chí của Pretty [5] được đánh giá là phù hợp với thực tiễn của địa phương. Những tiêu chí cụ thể ở mô hình 7 bậc của Pretty như sau: (1) Thụ động; (2) Thông tin; (3) Tư vấn; (4) Khuyến khích; (5) Chức năng; (6) Tương tác; (7) Chủ động. Dựa trên bảng hỏi đánh giá theo các tiêu chí cụ thể với thang đo Likert để phân nhóm các mức độ tham gia của cộng đồng vào từng hoạt động du lịch.

Nhằm mục đích phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự tham gia của cộng đồng vào hoạt động du lịch, tác giả đã tiến hành phỏng vấn đại diện các tổ chức và điều tra xã hội học bằng bảng câu hỏi dành cho gia đình có người dân đã tham gia và chưa tham gia vào hoạt động du lịch, kết hợp với việc vận dụng các cơ sở lý luận đã tìm hiểu về sự tham gia của cộng đồng trong phát triển du lịch, các nhân tố ảnh hưởng đến sự tham gia của cộng đồng địa phương vào hoạt động du lịch và các mô hình tiềm nhiệm, nghiên cứu đã rút ra các yếu tố có ảnh hưởng lớn đến mức độ tham gia của cộng đồng vào phát triển du lịch. Quá trình xây dựng nội dung bảng câu hỏi và thang đo sẽ loại bỏ những yếu tố không thật sự cần thiết và bổ sung thay đổi tên gọi các yếu tố để phù hợp với tình hình thực tế. Do đó kết quả thảo luận sẽ là cơ sở để thống kê mô tả mức độ tham gia của người dân địa phương vào hoạt động phát triển du lịch tại Nam Ô – Đà Nẵng.

Do bối cảnh nghiên cứu, quy mô nghiên cứu và yếu tố văn hóa ở mỗi khu vực và vùng miền khác nhau, dẫn đến các biến quan sát của thang đo cần phải điều chỉnh để phù hợp với địa bàn nghiên cứu. Điều này là hết sức quan trọng, đảm bảo cho kết quả nghiên cứu có độ tin cậy cao. Vì vậy, tác giả đã sử dụng các tiêu chí của thang đo được đánh giá cụ thể thông qua các nhân tố được thể hiện như sau:

– *Nhận thức của cộng đồng về tài nguyên du lịch*: sử dụng thang đo Likert để đánh giá các tiêu chí “Giá trị tài nguyên du lịch của địa phương phong phú”; “Khai thác các tài nguyên bền vững”; “Tài nguyên tự nhiên độc đáo”; “Nằm trong khu vực di sản và các vùng du lịch lân cận”.

– *Các nhân tố thúc đẩy*: sử dụng thang đo Likert đánh giá qua các tiêu chí về “cơ chế, chính sách”; “Đặc điểm hộ gia đình”; “Lợi ích kinh tế”

– *Các nhân tố rào cản*: sử dụng thang đo Likert đánh giá qua các tiêu chí về “Chính sách phát triển du lịch của địa phương chưa hoàn thiện, chưa phù hợp”; “Thiếu khung pháp lý về đồng quản lý và chia sẻ lợi ích”; “Nguồn vốn ưu đãi xã hội còn hạn chế”; “Nguồn lực của hội gia đình chưa đủ điều kiện”; “Thiếu đối thoại và gắn kết giữa các bên liên quan”; “Xung đột lợi ích và chưa có cơ chế giải quyết xung đột”; “Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất phục vụ hoạt động du lịch chưa đảm bảo”; “Thu nhập từ các hoạt động du lịch thấp”; “Ảnh hưởng tiêu cực của tính thời vụ địa phương dẫn tới thu nhập bấp bênh, sinh kế không bền vững”; “Thiếu thông tin, tư vấn về thị trường, sản phẩm du lịch và các dự án du lịch”; “Thủ tục hành chính, kinh doanh chưa được đơn giản hóa, chưa thuận lợi”.

Phương pháp nghiên cứu

Để xác định sự tham gia của người dân vào hoạt động du lịch tại Nam Ô, Đà Nẵng. Tác giả đã tiến hành điều tra các đối tượng là các người dân địa phương tại làng Nam Ô, thành phố Đà Nẵng từ tháng 1 đến tháng 4 năm 2021. Cỡ mẫu được xác định theo công thức tính quy mô mẫu của Yamane, Taro [9]:

$$n = N / (1 + N \times e^2) \quad (1)$$

trong đó n là quy mô mẫu, N là kích thước của tổng thể được xác định bằng tổng số người dân tại làng Nam Ô (Theo số liệu của UBND Phường Hòa Hiệp Nam, Đà Nẵng) là 19.027 người dân và e là sai số. Với độ tin cậy là 95%, sai số cho phép giữa tỉ lệ mẫu và tổng thể là $e = 0,1$ (10%). Như vậy bảng hỏi cần phát tối thiểu là 99.47 phiếu. Tuy nhiên để đảm bảo độ tin cậy trong việc xử lý số liệu và xác định chính xác số hộ gia đình có một người dân tham gia khảo sát nên tác giả lựa chọn điều tra với số mẫu là 220 bảng hỏi.

Trong quá trình điều tra từ tháng 01/2021 đến 4/2021, tác giả đã đánh giá hình thức người dân tham gia vào hoạt động cung ứng dịch vụ với 178 phiếu hợp lệ trên tổng số 220 phiếu được phát ra cho người dân địa phương. Trong 178 phiếu hợp lệ (*phỏng vấn một người dân trên một hộ gia đình*) thu về có: 40 hộ gia đình tham gia gián tiếp và 130 hộ gia đình tham gia trực tiếp vào hoạt động du lịch tại Nam Ô. Vì số lượng người dân không tham gia và tham gia với mức độ gián tiếp chiếm tỉ lệ khá ít nên nghiên cứu này tập trung làm rõ các yếu tố về sự tham gia của người dân vào hoạt động phát triển du lịch tại địa phương theo mức độ tham gia trực tiếp (130/178 phiếu khảo sát đã thu được).

Các số liệu thu thập được tổng hợp, xử lý và phân tích bằng phần mềm SPSS 20.0 thông qua phương pháp thống kê mô tả (tần suất, phần trăm và giá trị trung bình) để xác định, đánh giá các vấn đề liên quan đến thực trạng tham gia của các địa phương, người dân vào hoạt động du lịch. Bên cạnh đó, phân tích nhân tố theo phương pháp thống kê mô tả; Phương pháp kiểm định Independent Sample T-Test; Phương pháp kiểm định thang đo bằng hệ số tin cậy Cronbach's Alpha, phân tích phương sai một yếu tố One-way ANOVA được sử dụng để tiến hành kiểm định sự khác biệt giữa các nhóm theo một số tiêu chí phân loại khác nhau để làm rõ hơn các yếu tố của các địa phương, người dân khi tham gia vào hoạt động du lịch tại làng Nam Ô, thành phố Đà Nẵng.

4 Kết quả và thảo luận

4.1 Khái quát chung về Nam Ô

Làng Nam Ô thuộc địa phận phường Hòa Hiệp Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Nằm cạnh quốc lộ 1A và đường sắt Bắc - Nam, cách trung tâm thành phố khoảng 13 km về phía Tây Bắc. Phía Đông giáp vịnh Đà Nẵng, phía Tây giáp với xã Hòa Bắc và Hòa Liên (huyện Hòa Vang), phía Bắc cận sông Cu Đê và phía Nam giáp với làng Xuân Thiều - là một làng nghề truyền thống về khai thác, đánh bắt thủy hải sản, làm nước mắm và làm pháo.

Điều kiện tự nhiên

– **Địa hình:** Đà Nẵng vừa có đồng bằng vừa có núi, vùng núi cao và dốc tập trung ở phía Tây và Tây Bắc, có nhiều dãy núi chạy dài ra biển, một số đồi thấp xen kẽ những đồng bằng hẹp. Đồng bằng ven biển là vùng đất thấp chịu ảnh hưởng của biển bị nhiễm mặn, lại là vùng tập trung nhiều cơ sở nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, quân sự và các khu chức năng có dân cư đông đúc. Địa hình đồi núi chiếm diện tích lớn, độ cao khoảng từ 700 - 1.500 m, độ dốc lớn (>400), là nơi tập trung nhiều rừng đầu nguồn và có ý nghĩa bảo vệ môi trường sinh thái; kết cấu địa chất vững chắc thuận lợi cho việc bố trí các cơ sở công trình hạ tầng kỹ thuật.

– **Khí hậu:** Đà Nẵng nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa điển hình, nhiệt độ cao và ít biến động. Khí hậu Đà Nẵng là nơi chuyển tiếp đan xen giữa khí hậu miền Bắc và miền Nam, với tính trội là khí hậu nhiệt đới điển hình ở phía Nam. Mỗi năm có 2 mùa rõ rệt: mùa mưa kéo dài từ tháng 8 đến tháng 12 và mùa khô từ tháng 1 đến tháng 7, thỉnh thoảng có những đợt rét mùa đông nhưng không đậm và không kéo dài. Nhiệt độ trung bình hàng năm khoảng 25,9 °C; cao nhất vào các tháng 6, 7, 8, trung bình 28–30 °C; thấp nhất vào các tháng 12, 1, 2, trung bình 18–23°C. Độ ẩm không khí trung bình là 83,4%; cao nhất vào các tháng 10, 11, trung bình 85,67–87,67%; thấp nhất vào các tháng 6, 7, trung bình 76,67–77,33%. Mùa mưa trùng với mùa bão lớn nên thường có lũ lụt, ngập úng ở nhiều vùng. Ngược lại mùa hè ít mưa, nền nhiệt cao gây hạn, một số cửa sông bị nước mặn xâm nhập, gây ảnh hưởng không tốt đến phát triển kinh tế và đời sống dân cư.

Tài nguyên du lịch văn hóa

Trong khu vực này có các di tích thờ phụng mà nhân dân và các cư dân tộc làng Nam Ô đang giữ gìn gồm: *Dinh Cô hồn làng Nam Ô, Lăng Cá Ông, Miếu Bà Liễu Hạnh*. Cùng một số làng nghề truyền thống và đặc sản địa phương phong phú về số lượng và đa dạng như *Làng nghề sản*

xuất nước mấm Nam Ô, Làng Pháo. Đồng thời, Nam Ô còn có các lễ hội truyền thống được giữ gìn cho đến nay là Lễ cầu Ngư làng cá Nam Ô, Lễ hội đình làng Xuân Dương.

Điều kiện tiếp cận điểm đến

Nằm ở trung độ cả nước, với vị trí cửa sông đổ ra biển, có vịnh kín gió và hàng chục km bờ biển nên giao thông đường thủy rất thuận lợi. Các tuyến đường biển đi đến hầu hết các cảng lớn của Việt Nam và trên thế giới, trong tương lai gần thành phố đầu tư xây dựng thêm cảng mới Liên Chiểu có quy mô và công suất lớn hơn, rất thuận tiện cho du khách đến với Nam Ô, vì Nam Ô nằm kề cận với cảng Liên Chiểu.

Điều kiện về thị trường khách: Năm 2019, tổng lượt khách đến Đà Nẵng tham quan - du lịch ước đạt 8,69 triệu lượt, trong đó khách quốc tế gần 3,5 triệu lượt, tăng 30,7% so với cùng kỳ năm trước. Tính đến tháng 12/2019, có 35 đường bay quốc tế với tần suất 496 chuyến/tuần và 10 đường bay nội địa đến Đà Nẵng, tần suất 662 chuyến/tuần. Trong 35 đường bay quốc tế có 22 đường bay thường kỳ và 13 đường bay thuê chuyên.

Theo Sở Du lịch Đà Nẵng, 7 tháng đầu năm 2019, tổng lượng khách du lịch đến TP ước đạt 5.041.400 lượt, tăng 8,5% so với 7 tháng đầu năm 2018; trong đó khách quốc tế đạt 1.891.312 lượt, tăng 11,2%; khách nội địa đạt 3.150.088 lượt, tăng 7%. Tổng thu du lịch ước đạt 17.454.841 triệu đồng, tăng 8,5%. Cả năm 2019 Đà Nẵng đón 8,19 triệu lượt khách, trong đó khách nội địa ước đạt 5 triệu lượt, khách quốc tế ước đạt 3,19 triệu lượt. Lượng khách quốc tế đến Đà Nẵng chủ yếu từ các thị trường Hàn Quốc, ước đạt 1.085.317 lượt, tăng 14% so với cùng kỳ 2018, chiếm 57%; khách Trung Quốc ước đạt 494.526 lượt, tăng 18%, chiếm 26%; khách Thái Lan ước đạt 106.782 lượt, tăng 425%, chiếm 6%; khách Nhật Bản ước đạt 72.037 lượt, tăng 35%, chiếm 4%.

4.2 Mô tả mẫu nghiên cứu

Thông tin chung về đối tượng điều tra

Trong số 130 mẫu điều tra có 81 nam (chiếm 62,3%) và 49 nữ (chiếm 37,7%) tham gia trả lời bảng hỏi. Điều này cho thấy có sự chênh lệch về giới tính vì số lượng người dân là nam giới tham gia vào các hoạt động du lịch cao hơn số lượng nữ giới. Về độ tuổi, qua phân tích cho thấy người dân tham gia vào các hoạt động phát triển du lịch phân bố ở ba lứa tuổi: 18–30 tuổi, 31–50 tuổi và trên 50 tuổi với tỉ lệ lần lượt là 36,9%, 47,7% và 15,4%. Điều này phần nào phản ánh cơ cấu lao động đang nghiên về người trẻ tuổi tại địa phương. Về trình độ học vấn tương đối thấp: có tới 31,5% người trả lời phỏng vấn chưa qua trường lớp nào và 40,8% chưa tốt nghiệp trung học

phổ thông; người dân ở trình độ trung cấp, cao đẳng và đại học và sau đại học chiếm tỉ lệ thấp lần lượt là 20,8% và 6,9%. Điều này sẽ phân nào ảnh hưởng đến việc nâng cao các kỹ năng, kiến thức cho người dân địa phương khi hội nhập trong phát triển du lịch tại địa phương. Về thu nhập, hầu hết thu nhập chính của người dân địa phương thông qua hoạt động buôn bán nhỏ và sản xuất đặc sản địa phương chiếm tỉ lệ khá cao lên đến 34,6%; trong khi đó mức thu nhập chính từ dịch vụ du lịch chiếm tỷ lệ thấp (khoảng 4,6%). Nhìn chung người dân vẫn lưu giữ được những đặc sản địa phương và lấy đó làm nguồn thu nhập chính trong gia đình, tuy nhiên thu nhập dựa vào hoạt động du lịch vẫn còn thấp.

Mức độ tham gia của người dân vào các hoạt động phát triển du lịch ở địa phương

Mức độ tham gia vào công tác hoạch định chiến lược, quy hoạch phát triển du lịch ở địa phương

Thực trạng chung hiện nay là công tác hoạch định, quy hoạch và quản lý phát triển du lịch tại địa phương là một quá trình do chính quyền và cơ quan quản lý nhà nước về du lịch điều hành. Nhìn chung, quá trình tham vấn cộng đồng ngày được chú trọng hơn thông qua việc các bên đã tổ chức các hoạt động tham vấn ở cấp cộng đồng trong quá trình dự thảo kế hoạch quản lý và kế hoạch chiến lược, kế hoạch xây dựng, mở rộng tham quan tại Nam Ô – Đà Nẵng. Trước đây các mối quan hệ cộng đồng thường được tiếp cận từ trên xuống, hiện nay ngày càng có sự nhấn mạnh nhiều hơn đến việc chia sẻ thông tin và tăng cường sự tham gia của các bên có liên quan. Để làm rõ hơn về mức độ tham gia của người dân vào quá trình hoạch định chiến lược và phát triển du lịch, tác giả đã đo lường mức độ tham gia của cộng đồng đi từ mức độ thấp nhất là thụ động đến mức độ cao nhất là chủ động (Bảng 4).

Mức độ thụ động (bậc 1) có 39,5% người dân đánh giá đồng ý và hoàn toàn đồng ý, tức là cộng đồng không được biết các hoạt động du lịch được diễn ra tại địa phương, đường truyền thông tin là một chiều từ trên xuống. Và các hoạt động du lịch đưa ra chưa có sự tham gia ý kiến hay bàn bạc của người dân địa phương.

Cộng đồng tham gia cung cấp thông tin, đưa ra ý kiến khi được hỏi về kế hoạch phát triển du lịch địa phương được đánh giá ở mức độ Thông tin (bậc 2) có 46,2%. Điều này cho thấy thông qua các cuộc họp thôn/xóm, các cuộc họp tiếp xúc xin ý kiến, thì việc người dân được cung cấp thông tin về các vấn đề liên quan trở nên phổ biến hơn. Tuy nhiên ý kiến đó không có khả năng chi phối hay quyết định đến kế hoạch phát triển du lịch ở làng chài Nam Ô. Có lẽ vì người dân chưa nhận thức đúng về vai trò của mình và họ tham gia cung cấp thông tin mang tính hình thức

và chưa thật sự hiệu quả. Nguyên nhân là do trình độ dân trí còn thấp, bị động trong việc tiếp cận thông tin về pháp luật, chính sách phát triển của ngành dịch vụ du lịch.

Bảng 4. Mức độ tham gia của người dân vào công tác hoạch định chiến lược & quy hoạch phát triển du lịch

	Tiêu thức phân loại mức độ	Tần số (Đồng ý & hoàn toàn đồng ý)	Tỉ trọng của mức độ (%)
Thụ động	Người dân không biết gì về hoạt động hoạch định chiến lược & qui hoạch phát triển du lịch ở địa phương cho đến khi chính quyền thông báo.	59	
	Người dân chỉ nhận được thông báo về việc phát triển du lịch, địa phương sẽ chuyển đổi sinh kế bằng hoạt động du lịch.	58	39,5
	Chính quyền/cơ quan quản lý Nhà nước về du lịch thông báo trước khi xây dựng chính sách phát triển du lịch địa phương.	37	
Thông tin	Người dân tham gia cung cấp thông tin về các vấn đề liên quan đến phát triển du lịch địa phương.	60	46,2
Tư vấn	Chính quyền/cơ quan quản lý Nhà nước về du lịch tham vấn cộng đồng trong quá trình quản lý và thực thi quy hoạch điểm đến	53	
	Người dân tham gia các cuộc họp và đóng góp ý kiến về các vấn đề liên quan đến phát triển du lịch của địa phương.	44	37,3
Khuyến khích	Người dân tham gia cung ứng dịch vụ du lịch (<i>phục vụ tại nhà hàng, khách sạn, bảo vệ</i>) để tăng thêm thu nhập cho gia đình.	75	57,7
Chức năng	Cộng đồng tham gia thành các nhóm chức năng du lịch dưới sự áp đặt của tổ chức bên ngoài (<i>nhóm quản lý; nhóm biểu diễn, nhóm chụp ảnh; nhóm hướng dẫn, nhóm bán hàng nước giải khát và đồ lưu niệm...</i>)	75	57,7
Tương tác	Người dân được tham gia vào công tác hoạch định chiến lược & qui hoạch phát triển du lịch ở địa phương.	46	35,3
Chủ động	Người dân tự đưa ra sáng kiến; tự liên hệ với các tổ chức bên ngoài cộng đồng để nhận sự tư vấn và hợp tác.	49	
	Người dân giữ quyền kiểm soát và quyết định; tự đầu tư, đẩy mạnh và mở rộng các hoạt động kinh doanh du lịch.	43	35,3

Nguồn: Xử lý số liệu của tác giả năm 2021

Tỉ lệ người dân tham gia du lịch ở mức độ Tư vấn (bậc 3) là 37,3%. Do giới hạn về nhận thức và trình độ học vấn nên hạn chế mức độ tham gia của người dân vào công tác tư vấn hoạch định chiến lược và quy hoạch phát triển du lịch ở địa phương. Vì vậy, chỉ những cá nhân đại diện cho cộng đồng (*như trưởng thôn, phó thôn, đại diện các tổ chức...*) mới được tham gia tư vấn các kết hoạch phát triển du lịch. Nhưng quan điểm hay ý kiến của cộng đồng được lắng nghe, tuy nhiên chưa đủ sức thuyết phục để ra quyết định liên quan đến kế hoạch phát triển du lịch tại địa phương.

Ở mức độ Khuyến khích (bậc 4) được người dân đánh giá đạt tỉ lệ cao nhất với 57,7%, cho thấy khi người dân nhìn thấy được lợi ích và được trả công tương xứng thì họ sẽ sẵn sàng tham gia vào các hoạt động du lịch. Ngành du lịch đem lại cho người dân cơ hội việc làm tốt hơn, nguồn thu nhập gia tăng đáng kể cùng với sự cải thiện về các công trình phúc lợi xã hội vì thế cộng đồng chủ yếu tham gia ở mức độ khuyến khích tương đối cao so với các mức độ khác. Được biểu hiện qua việc người dân cung cấp dịch vụ du lịch một cách tự phát hoặc tham gia phục vụ cho các cơ sở kinh doanh. Từ thực tế khảo sát và nghiên cứu cho thấy vì tính thời vụ của du lịch nên số lượng lao động địa phương thường xuyên biến động.

Cộng đồng tham gia mức độ Chức năng (bậc 5) cũng chiếm được tỉ lệ đánh giá 57,7%, hình thức biểu hiện ở mức độ này là cộng đồng sẽ tham gia vào các nhóm chức năng (*như nhóm quản lý, nhóm biểu diễn, nhóm chụp ảnh, nhóm hướng dẫn, nhóm bán hàng nước giải khát và đồ lưu niệm...*) để đáp ứng mục tiêu liên quan đến từng dự án cụ thể. Đặc điểm của người dân có thể tham gia vào nhóm này là người dân sinh sống lâu năm tập trung tại Nam Ô, có trình độ học vấn, có kỹ năng nghề du lịch và có kỹ năng giao tiếp bằng ngoại ngữ. Vì vậy, chính quyền và cơ quan quản lý cần đào tạo về các kiến thức liên quan cho người dân.

Kết quả khảo sát cũng chỉ có 35,3% trên 130 mẫu điều tra cộng đồng tham gia ở mức Tương tác (bậc 6). Cho thấy sự tham gia tương tác liên quan đến việc tìm kiếm đa quan điểm trong việc hoạch định chiến lược và quy hoạch phát triển du lịch ở địa phương, đồng thời tận dụng kinh nghiệm của họ vào cộng đồng địa phương. Đối tượng tham gia ở mức độ này là một số người dân địa phương có học vấn cao (*cao đẳng, đại học và sau đại học*) giữ chức vụ cao trong chính quyền các cấp, họ tham gia vào quá trình hoạch định chiến lược và quy hoạch phát triển du lịch ở địa phương.

Ở mức độ Chủ động (bậc 7) người dân tham gia đạt tỉ lệ 35,3%. Hình thức biểu hiện tham gia ở mức độ này là người dân tự đưa ra các sáng kiến kinh doanh du lịch độc lập đôi với các tổ chức bên ngoài (chính quyền/ cơ quan quản lý nhà nước về du lịch, dự án).

Vì vậy, có thể nói rằng sự tham gia của cộng đồng trong cung ứng các dịch vụ du lịch và lập kế hoạch phát triển du lịch tại làng chài Nam Ô chỉ mang tính hình thức (thụ động) chưa phát huy với vai trò của người dân đối với phát triển du lịch.

Mức độ tham gia của người dân vào các hoạt động của dự án du lịch tại địa phương

Dựa vào kết quả của Bảng 5, ta thấy tiêu chí *“Người dân không biết gì về hoạt động các dự án phát triển du lịch cho đến khi chính quyền thông báo”* được người dân đánh giá cao nhất trong các tiêu chí về sự tham gia của cộng đồng vào hoạt động của dự án du lịch ở mức độ đồng ý với GTTB là 4,16. Người dân đồng ý với ý kiến này vì người dân thụ động trong việc tham gia vào hoạt động của các dự án du lịch. Điều này ảnh hưởng đến sự tham gia của người dân vào các hoạt động phát triển du lịch của địa phương. Tiêu chí *“Người dân được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kiến thức và kỹ năng khi tham gia dự án du lịch”*, *“Người dân tham gia xây dựng cơ chế quản lý và phân chia lợi ích khi tham gia dự án du lịch.”* được đánh giá ở mức thấp với GTTB lần lượt là 2,95 và 2,62. Nguyên nhân có thể là do giới hạn về nhận thức và trình độ học vấn thấp gây hạn chế người dân tham gia vào xây dựng cơ chế quản lý. Điều này đặt ra yêu cầu cho các cơ quan chính quyền cần thường xuyên đào tạo, cung cấp các kiến thức về ngành nghề du lịch cho người dân địa phương, từ đó thúc đẩy sự tham gia của họ vào các hoạt động của dự án du lịch. Và các tiêu chí còn lại được người dân đánh giá ở mức độ khá thấp. Vì vậy, chính quyền địa phương cần đưa ra các chính sách, phương án phù hợp để khuyến khích người dân tham gia vào các hoạt động của dự án giúp phát triển du lịch tại làng chài Nam Ô.

Bảng 5. Đánh giá mức độ tham gia của người dân vào hoạt động của dự án du lịch

Tiêu chí	Tỉ lệ % trả lời					GTTB
	1	2	3	4	5	
Người dân không biết gì về hoạt động các dự án phát triển du lịch cho đến khi chính quyền thông báo	-	-	27,7	28,5	43,8	4,16
Chính quyền thiết lập các kênh giao tiếp và trao đổi thông tin thường xuyên giữa các thành viên cộng đồng và các bên liên quan	5,4	13,1	48,5	21,5	11,6	3,20
Nhà đầu tư/Ban quản lý thông báo trước và tham vấn cộng đồng trong quá trình xây dựng dự án du lịch.	3,1	24,6	51,5	10,0	10,8	3,00
Người dân tìm cán bộ dự án để được tư vấn	6,2	26,9	34,6	23,8	8,5	3,01
Nhà đầu tư/Ban quản lý tham vấn cộng đồng trong quản lý và thực hiện dự án du lịch.	3,1	28,5	28,5	26,9	13,1	3,18
Khi cần lao động thì người dân được mời tham gia và được trả tiền	3,1	25,4	24,6	30,0	16,9	3,32
Người dân được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kiến thức và kỹ năng khi tham gia dự án du lịch (<i>các dự án tập huấn, đào tạo cho các nhóm</i>)	11,5	19,2	40,0	21,5	7,7	2,95
Người dân tham gia xây dựng cơ chế quản lý và phân chia lợi ích khi tham gia dự án du lịch.	24,6	21,5	29,2	16,2	8,5	2,62
Người dân được cung cấp, cập nhật thông tin thường xuyên và chủ động tìm kiếm, tham gia các dự án du lịch.	13,8	21,5	27,7	16,9	20,0	3,07

Nguồn: Xử lý số liệu của tác giả năm 2021

Các nhân tố ảnh hưởng đến sự tham gia của cộng đồng vào phát triển du lịch

Tiến hành kiểm định độ tin cậy thanh đo về các nhân tố ảnh hưởng đến sự tham gia của cộng đồng vào phát triển du lịch. Kết quả hệ số Cronbach's Alpha của nhân tố giá trị tài nguyên, nhân tố thúc đẩy sự đồng thuận, nhân tố rào cản hạn chế sự tham gia của cộng đồng vào hoạt động du lịch tại địa phương được thể hiện ở Bảng 6.

Thang đo tiến hành thực hiện kiểm tra độ tin cậy về nhân tố giá trị tài nguyên du lịch tại Nam Ô với 3 biến. Kết quả Bảng 6 cho thấy hệ số Cronbach's Alpha là 0,695; tất cả các biến quan sát đều đảm bảo hệ số trong tương quan biến tổng lớn hơn 0.3 và không có biến nào làm giảm độ

tin cậy của thang đo. Như vậy thang đo là tốt và có thể sử dụng để tiếp tục phân tích nhân tố về giá trị tài nguyên.

Bảng 6. Kiểm định thang đo các nhân tố ảnh hưởng đến sự tham gia của cộng đồng vào phát triển du lịch

Biến quan sát	Hệ số tải nhân tố					Kiểm định độ tin cậy		
	Giá trị tài nguyên	Cơ chế chính sách	Đặc điểm hộ gia đình	Lợi ích kinh tế	Rào cản về cơ chế và nguồn lực	Rào cản về tổ chức hoạt động kinh doanh	Cronbach's Alpha nếu loại biến	Cronbach's Alpha
NT1. Giá trị tài nguyên du lịch của địa phương phong phú	0,571						0,522	
NT2. Khai thác các tài nguyên bền vững	0,467						0,657	0,695
NT3. Tài nguyên tự nhiên độc đáo	0,501						0,617	
CS1. Chính sách phát triển du lịch phù hợp với kiến thức thực tiễn của địa phương, tạo thuận lợi cho người dân tham gia phát triển du lịch		0,578					0,803	
CS2. Cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng của địa phương		0,615					0,795	
CS3. Cơ chế quản lý, thủ tục hành chính		0,560					0,806	0,827
CS4. Công bằng, minh bạch về chia sẻ lợi ích		0,607					0,797	
CS5. Đối thoại gắn kết giữa các bên liên quan		0,634					0,791	
CS6. Cơ chế giải quyết khi có xung đột lợi ích xảy ra		0,583					0,802	
DH1. Vốn tự nhiên (đất đai, diện tích mặt nước...)			0,600				0,794	
DH2. Nguồn vốn xã hội			0,547				0,808	0,823
DH3. Tài chính			0,607				0,791	
DH4. Nguồn nhân lực của hộ gia đình			0,678				0,770	

DH5. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phương tiện của hộ gia đình	0,662	0,775	
KT1. Du lịch như là sinh kế của hộ gia đình	0,448	0,540	
KT2. Cơ hội việc làm từ du lịch	0,490	0,500	
KT3. Cơ hội thu nhập từ hoạt động du lịch ở địa phương	0,501	0,489	0,629
KT4. Du lịch thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương,	0,241	0,695	
RC1. Chính sách phát triển du lịch của địa phương chưa hoàn thiện, chưa phù hợp	0,402	0,766	
RC2. Thiếu khung pháp lý về đồng quản lý và chia sẻ lợi ích	0,529	0,742	
RC3. Nguồn vốn ưu đãi xã hội còn hạn chế	0,665	0,717	
RC4. Nguồn lực của hộ gia đình chưa đủ điều kiện (<i>số lao động, kiến thức, kỹ năng, ngoại ngữ, vốn</i>)	0,529	0,741	0,776
RC5. Thiếu đối thoại và gắn kết giữa các bên liên quan	0,498	0,751	
RC6. Xung đột lợi ích và chưa có cơ chế giải quyết xung đột	0,534	0,742	
RC7. Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất phục vụ hoạt động du lịch chưa đảm bảo	0,382	0,772	
RC8. Thu nhập từ hoạt động du lịch thấp	0,532	0,710	
RC9. Ảnh hưởng tiêu cực của tính thời vụ du lịch địa phương dẫn tới thu nhập bấp bênh, sinh kế không bền vững	0,642	0,649	0,755
RC10. Thiếu thông tin, tư vấn về thị trường, sản phẩm du lịch và các dự án du lịch	0,522	0,714	
RC11. Thủ tục hành chính, kinh doanh chưa được đơn giản hóa, chưa thuận lợi	0,528	0,717	

Nguồn: Xử lý số liệu của tác giả năm 2021

Kết quả nghiên cứu định tính và định lượng bằng phương pháp xoay nhân tố đều đồng ý các nhân tố có ảnh hưởng đến sự thúc đẩy sự tham gia của người dân địa phương vào hoạt động du lịch: Cơ chế, chính sách của chính quyền/cơ quan quản lý nhà nước về du lịch; Đặc điểm của hộ gia đình; Lợi ích kinh tế. Đây là 3 nhân tố trực tiếp quyết định mức độ và kết quả tham gia vào hoạt động du lịch của hộ gia đình. Thang đo tiến hành thực hiện kiểm tra độ tin cậy về nhân tố thúc đẩy sự tham gia của người dân địa phương vào hoạt động du lịch tại Nam Ô gồm 15 biến với 3 nhân tố. Kết quả cho thấy hệ số Cronbach's Alpha của Cơ chế, chính sách là 0,827; Đặc điểm hộ gia đình là 0,823; Lợi ích kinh tế là 0,629. Tất cả các biến quan sát đều đảm bảo hệ số trong tương quan biến tổng lớn hơn 0.3 và không có biến nào làm giảm độ tin cậy của thang đo.

Thang đo tiến hành thực hiện kiểm tra độ tin cậy về nhân tố rào cản hạn chế sự tham gia của người dân địa phương vào hoạt động du lịch tại Nam Ô với 11 biến của 2 nhân tố. Kết quả cho thấy hệ số Cronbach's Alpha của các nhân tố chung là trên 0,7. Tất cả các biến đều đảm bảo hệ số trong tương quan biến tổng lớn hơn 0,3 và không có biến nào làm giảm độ tin cậy của thang đo.

Nhận thức của cộng đồng về giá trị tài nguyên du lịch tại làng Nam Ô – Đà Nẵng

Kết quả số liệu ở Bảng 7 cho thấy người dân đánh giá cao tiêu chí về giá trị tài nguyên vào phát triển hoạt động du lịch tại làng Nam Ô. Các tiêu chí đều được đánh giá cao hơn 4, hầu hết là các ý kiến đánh giá cao và rất cao. Trong đó, "*Giá trị tài nguyên du lịch phong phú*" được đánh giá cao nhất với giá trị trung bình (GTTB) là 4,36. Người dân đánh giá cao về các giá trị tài nguyên du lịch tại làng Nam Ô là một động lực thúc đẩy người dân tham gia vào hoạt động du lịch địa phương.

Kết quả kiểm định về sự khác biệt trong đánh giá giữa các nhóm khảo sát về giá trị tài nguyên của hoạt động du lịch tại địa phương cho thấy rằng hầu hết không có sự khác biệt trong đánh giá trong các nhóm giới tính, trình độ và nghề nghiệp. Về độ tuổi: Tiêu chí "*Tài nguyên thiên nhiên độc đáo*" có sự khác biệt và có ý nghĩa thống kê thấp. Có mức chênh lệch giữa các độ tuổi trong cách đánh giá về tài nguyên du lịch của địa phương vì từng độ tuổi người dân sẽ đánh giá khác nhau về các yếu tố môi trường, tài nguyên, ... Điều đó ảnh hưởng đến quyết định tham gia của họ vào hoạt động phát triển du lịch tại Nam Ô. Về thời gian sinh sống: có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê thấp giữa tiêu chí "*Tài nguyên thiên nhiên độc đáo*". Vì người dân có thời gian sinh sống tại địa phương càng lâu thì họ sẽ quen với tài nguyên thiên nhiên tại đây và họ cho rằng tài nguyên thiên của địa phương không độc đáo và hấp dẫn. Điều này sẽ dẫn đến việc họ tham gia vào các hoạt động phát triển du lịch tại địa phương.

Bảng 7. Sự khác biệt trong đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến sự tham gia của cộng đồng vào phát triển du lịch tại địa phương

Biến quan sát	GTTB	Giới tính	Độ tuổi	Trình độ	Thời gian sinh sống	Nghề nghiệp
NT1	4,36	ns	ns	ns	ns	ns
NT2	4,06	ns	ns	ns	ns	ns
NT3	4,08	ns	*	ns	*	ns
<i>Giá trị trung bình của nhân tố: 4,16</i>						
CS1	4,23	ns	ns	ns	Ns	ns
CS2	4,06	ns	ns	ns	Ns	ns
CS3	4,10	ns	ns	ns	Ns	ns
CS4	4,07	ns	ns	ns	Ns	ns
CS5	4,10	ns	ns	ns	*	ns
CS6	4,09	ns	ns	ns	Ns	ns
<i>Giá trị trung bình của nhân tố: 4,10</i>						
DH1	4,04	Ns	ns	ns	ns	Ns
DH2	3,99	Ns	ns	ns	ns	Ns
DH3	3,92	**	*	ns	ns	Ns
DH4	3,73	Ns	ns	ns	ns	Ns
DH5	3,73	Ns	ns	ns	ns	Ns
<i>Giá trị trung bình của nhân tố: 3,88</i>						
KT1	4,21	ns	ns	ns	ns	ns
KT2	4,17	ns	ns	ns	**	ns
KT3	4,22	ns	ns	ns	ns	ns
KT4	3,93	ns	*	ns	ns	ns
<i>Giá trị trung bình của nhân tố: 4,13</i>						
RC1	3,76	ns	ns	ns	ns	ns
RC2	3,96	ns	ns	ns	ns	ns
RC3	3,72	ns	ns	ns	ns	ns
RC4	3,93	ns	ns	***	ns	ns
RC5	3,65	ns	ns	*	ns	ns
RC6	3,89	ns	ns	ns	ns	ns

RC7	3,56	ns	ns	ns	ns	**
Giá trị trung bình của nhân tố: 3,78						
RC8	4,04	ns	ns	ns	ns	**
RC9	3,99	ns	ns	ns	ns	ns
RC10	3,92	ns	ns	ns	ns	ns
RC11	3,73	ns	ns	ns	ns	ns
Giá trị trung bình của nhân tố: 3,88						

Nguồn: Xử lí số liệu của tác giả năm 2021

Ghi chú: (1) Theo thang đo 1: Rất thấp; 5: Rất cao; (2) Mức ý nghĩa: Sig. (P-value) >0,1 (Ns): Không có sự khác biệt, có ý nghĩa về mặt thống kê; 0,05 < Sig. (P-value) <= 0,1 (*): Khác biệt có ý nghĩa thống kê thấp; 0,01 < Sig. (P-value) <= 0,05 (**): Khác biệt có ý nghĩa thống kê trung bình; Sig. (P-value) <= 0,01 (***): Khác biệt có ý nghĩa thống kê cao.

Các nhân tố thúc đẩy sự đồng thuận và tham gia của cộng đồng vào hoạt động du lịch

Kết quả xử lý số liệu điều tra cho thấy người dân đánh giá rất cao tiêu chí “*Chính sách phát triển du lịch phù hợp với kiến thức thực tiễn của địa phương, tạo thuận lợi cho người dân tham gia phát triển du lịch*” với GTTB là 4,23. Điều này đặt ra cho chính quyền/ cơ quan quản lý nhà nước về du lịch phải xây dựng một khung pháp lý rõ ràng theo đó cộng đồng địa phương chia sẻ trách nhiệm quản lý và lợi ích thu được với các bên liên quan. Các tiêu chí khác thì người dân đánh giá khá cao với các giá trị trung bình thấp nhất là 4,06. Với kết quả này cho thấy, chính quyền và các cấp quản lí cần tiếp tục hoàn thiện các chính sách ưu đãi đối với người dân sinh sống tại khu vực Nam Ô. Đồng thời các chính sách phải được cụ thể hóa, pháp lý hóa một cách rõ ràng và minh bạch để người dân có thể tiếp cận một cách dễ dàng và công bằng. Hoạt động tăng cường đối thoại gắn kết giữa các bên liên quan giúp cho người dân kết nối và thiết lập các thỏa thuận hợp tác, chia sẻ lợi ích và thúc đẩy người dân tham gia vào hoạt động du lịch địa phương.

Kết quả phân tích về đánh giá cho thấy rằng hầu hết không có sự khác biệt trong đánh giá các tiêu chí về chính sách trong các nhóm độ tuổi, giới tính, trình độ và nghề nghiệp. Tuy nhiên, xét theo thời gian sinh sống, có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê thấp về đánh giá của người dân đối với nhân tố về “*Đối thoại gắn kết giữa các bên liên quan*”. Nguyên nhân là do sự chênh lệch trình độ học vấn, nhận thức và công việc đặc thù của từng người dân qua quá trình sinh sống tại địa phương (người dân sống trên 20 năm chiếm tỷ lệ cao, lên đến 52,3%) dẫn đến khó có thể đối thoại

và gắn kết giữa các bên liên quan. Do đó ảnh hưởng đến sự tham gia của người dân vào hoạt động phát triển du lịch địa phương.

Căn cứ vào kết quả Bảng 7 cho thấy tiêu chí "*Nguồn vốn tự nhiên*" được người dân đánh giá cao nhất với GTTB là 4,04 và tiêu chí "*nguồn lực hộ gia đình*" được đánh giá thấp nhất với GTTB là 3,73. Điều này cho thấy, cần phải hợp thức hóa các quyền lợi và quyền sử dụng tài nguyên du lịch cho cộng đồng nhằm tạo điều kiện cho người dân tham gia vào hoạt động du lịch. Tình trạng hoạt động du lịch tại địa phương đang gặp nhiều khó khăn, thiếu hụt về thông tin và sản phẩm du lịch, thiếu sự phối hợp giữa cộng đồng và các đối tác bên ngoài. Vì vậy, yêu cầu đặt ra là chính quyền và cơ quan quản lý cần có các giải pháp nâng cao chất lượng nguồn lao động trong lĩnh vực du lịch của địa phương và tạo điều kiện cho họ được tham gia sâu và rộng hơn vào hoạt động du lịch.

Bên cạnh đó, kết quả còn cho chúng ta thấy không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê khi đánh giá về các tiêu chí trong các nhóm giới tính, độ tuổi, thời gian sinh sống và nghề nghiệp. Kết quả so sánh giữa các nhóm cho thấy theo giới tính có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê trung bình về đánh giá của người dân đối với tiêu chí "*Tài chính*". Nguyên nhân có sự khác biệt là do vai trò của nam giới trong hộ gia đình. Họ là trụ cột gia đình, là nguồn thu nhập chính và có quyền quyết định các vấn đề lớn. Còn các công việc nội trợ, chăm sóc gia đình thường được giao cho phụ nữ. Vì vậy, tài chính đặt nặng lên đối tượng nam giới nên sẽ ảnh hưởng đến sự tham gia của họ vào hoạt động du lịch của địa phương. Đồng thời tiêu chí "*Tài chính*" cũng được người dân đánh giá có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê thấp đối với nhóm trình độ. Do trình độ học vấn và nhận thức về phát triển du lịch của người dân đang còn hạn chế.

Dựa vào bảng thống kê tại Bảng 7 ta thấy, 3 tiêu chí "*Cơ hội thu nhập từ hoạt động du lịch ở địa phương*", "*Du lịch như là sinh kế của hộ gia đình*" và "*Cơ hội việc làm từ du lịch*" được đánh giá cao nhất với GTTB lần lượt là 4,22; 4,21 và 4,17. Kết quả cho thấy lợi ích kinh tế mà hoạt động du lịch mang lại đối với người dân đóng vai trò quyết định đối với sự tham gia vào hoạt động du lịch, trở thành động lực để phát triển kinh tế - xã hội làm tăng thu nhập và góp phần giải quyết việc làm ở địa phương. Tuy nhiên, cộng đồng địa phương sẽ nhận được những lợi ích kinh tế từ hoạt động du lịch nhưng chưa thật sự tương xứng với tiềm năng mà du lịch địa phương mang lại. Vì vậy, nếu hiệu quả hoạt động du lịch của người dân được nâng cao sẽ tạo ra sinh kế bền vững thì sự tham gia của người vào hoạt động du lịch sẽ được tăng lên.

Kết quả phân tích còn cho thấy rằng không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các tiêu chí với nhóm nhân tố giới tính, trình độ, và nghề nghiệp. Chỉ có sự khác biệt có ý nghĩa thống

kê trung bình về đánh giá của người dân giữa tiêu chí "*Cơ hội việc làm từ du lịch*" đối với thời gian sinh sống. Tiêu chí "*Du lịch thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương*" được đánh giá có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê của người dân với giới tính khác nhau. Qua đó cho thấy người dân nhận thức rõ và rất quan tâm đối với các lợi ích kinh tế khi tham gia hoạt động du lịch. Vì vậy, cần có các cơ chế, chính sách khuyến khích để hỗ trợ người dân khi tham gia vào hoạt động du lịch và có khung pháp lý rõ ràng về việc chia sẻ lợi ích từ hoạt động du lịch. Đồng thời, cần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh du lịch để tạo ra nhiều lợi ích cho người dân.

Các nhân tố rào cản hạn chế đến sự tham gia của cộng đồng vào hoạt động du lịch tại địa phương.

Kết quả Bảng 7 cho thấy tiêu chí "*Thiếu khung pháp lý về đồng quản lý và chia sẻ lợi ích*" được người dân đánh giá với GTTB là 3,96; người dân có thời gian sống lâu năm tại địa phương và là chủ thực sự của tài nguyên du lịch nhưng vai trò, lợi ích của họ chưa được quan tâm đúng mực. Kết hợp với tiêu chí "*Thiếu đối thoại và gắn kết các bên liên quan*" (GTTB 3,65) cho thấy hoạt động phát triển du lịch của địa phương chịu sự quản lý, kiểm soát từ trên xuống, thiếu vắng sự phản hồi từ dưới lên. Bên cạnh đó, tiêu chí "*Nguồn lực của hộ gia đình chưa đủ điều kiện*" được người dân đánh giá với GTTB là 3,93. Điều này cho thấy tình trạng thiếu kỹ năng, kiến thức kinh doanh và ngoại ngữ cũng được xem là các yếu tố gây cản trở hộ gia đình tham gia kinh doanh dịch vụ du lịch. Bên cạnh đó, kết quả phân tích sự khác biệt giữa các nhóm nhân tố, chỉ ra rằng phần lớn không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các yếu tố liên quan đến đánh giá về những rào cản trong cơ chế và nguồn lực của hộ gia đình tham gia vào hoạt động du lịch theo giới tính, độ tuổi, trình độ, thời gian sinh sống và nghề nghiệp. Tuy nhiên, vẫn có các nhân tố có sự khác biệt, cụ thể là tiêu chí "*Nguồn lực của hộ gia đình chưa đủ điều kiện*" có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê cao về mức độ và tiêu chí "*Thiếu đối thoại và gắn kết giữa các bên liên quan*" có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê thấp về mức độ đánh giá của người dân có trình độ khác nhau. Và tiêu chí "*Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất phục vụ hoạt động du lịch chưa đảm bảo*" được người dân đánh giá có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê trung bình so với nhân tố nghề nghiệp.

Dựa vào kết quả nghiên cứu cho thấy tiêu chí "*Thu nhập từ hoạt động du lịch thấp*" có GTTB cao nhất là 4,04, đã đánh giá thực tế của người dân về thực trạng thu nhập khi tham gia vào hoạt động du lịch tại địa phương. Điều này cho thấy thu nhập chính là thách thức, rào cản lớn nhất hạn chế sự tham gia của người dân vào hoạt động du lịch. Đồng thời, tiêu chí "*Ảnh hưởng tiêu cực của tính thời vụ du lịch*" tại 1 Nam Ô (GTTB 3,99) cũng là rào cản hạn chế sự tham gia của cộng đồng vào hoạt động du lịch. Đặc điểm của hoạt động du lịch ở Nam Ô phụ thuộc hoàn toàn vào

tình trạng thời tiết và thời vụ vì Nam Ô đa phần là khách tự phát nên lượng khách không ổn định vào dịp nghỉ lễ. Thực trạng này dẫn đến tình trạng khó khăn trong việc tổ chức và sử dụng nhân lực tại địa phương, thu nhập của người dân giảm xuống, sinh kế không về vững thì người dân sẽ không sẵn sàng tham gia vào các hoạt động du lịch. Bên cạnh đó, tiêu chí “*thiếu thông tin, tư vấn về thị trường, sản phẩm du lịch và các dự án du lịch*” với GTTB là 3,92. Kết quả cho thấy người dân đang gặp rất nhiều khó khăn trong việc tiếp cận và cập nhật thông tin về phát triển du lịch địa phương.

Dựa vào Bảng thống kê, phần lớn không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa hầu hết các tiêu chí đối với nhóm nhân tố giới tính, độ tuổi, trình độ, thời gian sinh sống và nghề nghiệp. Tuy nhiên, vẫn có các nhân tố có sự khác biệt, đó là tiêu chí “*Thu nhập từ hoạt động du lịch thấp*” có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê trung bình về mức độ đánh giá của người những người có nghề nghiệp khác nhau.

5 Kết luận

5.1 Các hàm ý chính sách nhằm tăng cường sự tham gia của người dân đối với hoạt động du lịch tại làng Nam Ô, thành phố Đà Nẵng

Dựa vào kết quả nghiên cứu về sự tham gia của người dân địa phương đối với phát triển du lịch tại làng Nam Ô, tác giả nhận thấy rằng các người dân địa phương có đóng góp rất lớn trong phát triển du lịch. Bởi vì người dân địa phương dễ dàng tham gia và được đánh giá cao trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh và đa dạng hóa các sản phẩm du lịch tại địa phương. Tuy nhiên, qua đánh giá và kết quả điều tra về nhận thức của người dân về giá trị tài nguyên du lịch tại Nam Ô còn có nhiều bất cập như:

– Xuất phát điểm cộng đồng cư dân khu vực Nam Ô là những người dân có trình độ học vấn thấp, sinh kế và lối sống trước đây phụ thuộc vào thiên nhiên (đi biển, làm mắm...) trong một thời gian dài. Do trình độ nhận thức về phát triển du lịch của người dân đang còn hạn chế gây trở ngại cho cộng đồng tham gia vào hoạt động du lịch ở mức độ chủ động.

– Bên cạnh đó, nhận thức của người dân về giá trị tài nguyên du lịch đã được nâng cao nhưng chưa sâu sắc, toàn diện và chưa được cụ thể hóa bằng các biện pháp, kế hoạch, chương trình và hoạt động cụ thể.

– Mức độ, hình thức tham gia của người dân vào công tác hoạch định chiến lược, quy hoạch phát triển du lịch địa phương chủ yếu tập trung ở mức khuyến khích (68,2%) và chức năng (68,2%). Sự quan tâm, ưu tiên và nhu cầu chủ yếu của họ là tăng thu nhập cho bản thân và gia đình. Khi nhu cầu được thỏa mãn thì người dân có xu hướng đồng ý với các ý kiến được đưa ra.

– Công tác tuyên truyền, giới thiệu điểm du lịch tiềm năng Nam Ô chưa được khoa học, chưa có sự kết hợp chặt chẽ giữa các ban ngành, các cấp trong tổ chức khai thác cho phát triển du lịch.

– Năng lực tư vấn, tham mưu cho người dân của đội ngũ cán bộ làm công tác tư vấn vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế như: trình độ hiểu biết và chuyên môn nghiệp vụ về khai thác tài nguyên du lịch chưa cao. Người dân thờ ơ khi bàn về những vấn đề ngoài phạm vi gia đình họ. Sự thờ ơ ngăn cản họ có những đòi hỏi cao hơn nhu cầu thực tại của họ. Người dân có xu hướng chỉ quan tâm đến sinh kế truyền thống của hộ gia đình. Họ coi việc hoạch định chiến lược & quy hoạch phát triển du lịch ở địa phương là việc của chính quyền và các bên liên quan khác.

Dựa trên những kết quả nghiên cứu này tác giả đã đề xuất 2 nhóm giải pháp:

– Thứ nhất, các giải pháp chung nhằm thúc đẩy phát triển du lịch tại làng chài Nam Ô. Tạo cơ hội và gia tăng mức độ tham gia của người dân trong phát triển du lịch. Mặc dù chính quyền thành phố Đà Nẵng đã có các chính sách chú trọng phát triển du lịch lễ hội tại địa phương, nhưng để thực sự thu hút được người dân đến với thì chính quyền địa phương cần phải kết hợp với các doanh nghiệp lữ hành trong việc nâng cao nhận thức về vai trò và trách nhiệm của các doanh nghiệp trong du lịch, phối hợp với cộng đồng dân cư địa phương để vừa bảo tồn, vừa phát huy các giá trị văn hóa của lễ hội đạt hiệu quả kinh tế – xã hội qua việc hướng dẫn các hình thức tổ chức, rà soát nội dung đảm bảo sinh hoạt lễ hội lành mạnh, văn minh. Xây dựng chính sách lồng ghép vào chương trình du lịch các hoạt động có trách nhiệm đối với du khách cùng giữ gìn văn hóa và đặc điểm của địa phương trong du lịch lễ hội qua vai trò của cộng đồng địa phương.

– Thứ hai, các giải pháp cụ thể tăng cường sự đồng thuận và tham gia của cộng đồng trong phát triển du lịch tại làng chài Nam Ô, hạn chế các rào cản ngăn cản sự tham gia của người dân địa phương vào các hoạt động du lịch bao gồm: Nâng cao nhận thức, trình độ và kỹ năng của người dân về phát triển du lịch; Nâng cao hiệu quả của quá trình tham vấn cộng đồng; Giải pháp về cơ chế, chính sách; Đánh giá khung chi phí và chia sẻ lợi ích công bằng hơn; Tăng cường hoạt động đối thoại và gắn kết các bên liên quan; Phát triển các sản phẩm và dịch vụ độc đáo để cao giá trị văn hóa truyền thống của địa phương; Giải pháp hỗ trợ phát triển doanh nghiệp du lịch

cộng đồng. Thông qua đó tăng cường hơn nữa sự đồng thuận và tham gia của cộng đồng địa phương vào hoạt động du lịch tại làng chài Nam Ô – Đà Nẵng.

5.2 Kết luận

Du lịch cộng đồng hướng đến phát triển du lịch bền vững là một trong những hướng phát triển chiến lược tại các điểm du lịch cộng đồng tại thành phố Đà Nẵng. Định hướng này không chỉ giúp địa phương tạo thêm nhiều cơ hội việc làm, cải thiện đời sống cho người dân mà còn góp phần bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và văn hoá cho sự tồn tại và phát triển lâu dài. Bên cạnh đó, phát triển các sản phẩm du lịch chất lượng và dịch vụ phản ánh đặc trưng của địa phương cũng như đáp ứng nhu cầu thị trường và kỳ vọng của khách du lịch, các doanh nghiệp du lịch quan tâm đến việc ủng hộ phát triển theo hướng bền vững. Hỗ trợ các hình thức phát triển kinh tế - xã hội địa phương, góp phần phân phối công bằng lợi ích và sinh kế. Tuy nhiên, mục tiêu này có đạt được hay không lại phụ thuộc rất nhiều vào việc phối hợp giữa các bên liên quan và đặc biệt là sự đồng thuận, tham gia hưởng ứng của cộng đồng cư dân địa phương. Bởi vì cộng đồng cư dân có vai trò quan trọng trong vấn đề khai thác tài nguyên du lịch để hình thành nên các loại hình và sản phẩm du lịch. Do đó, hướng đến mục tiêu là trao quyền cả về kinh tế, xã hội và giá trị gia tăng trong trải nghiệm cho cộng đồng địa phương và khách du lịch, chính quyền, cơ quan du lịch địa phương. Đồng thời các doanh nghiệp du lịch cần đánh giá mức độ tham gia của người dân địa phương vào các hoạt động du lịch, cũng như nhận diện những nhân tố thúc đẩy và những rào cản ảnh hưởng đến sự tham gia của cộng đồng tại làng chài Nam Ô – Đà Nẵng. Từ đó, có những giải pháp và kiến nghị phù hợp nhằm thúc đẩy phát triển du lịch tại làng chài Nam Ô: (1) tạo cơ hội và gia tăng mức độ tham gia của người dân trong phát triển du lịch; (2) tăng cường hơn nữa sự đồng thuận và tham gia của cộng đồng địa phương vào hoạt động du lịch tại Nam Ô – Đà Nẵng.

Tài liệu tham khảo

1. Tosun, C (2005), Expected Nature of Community Participation in Tourism Development, *Tourism Management*, 27, 493–504.
2. Điều 6 Luật Du lịch (2017).
3. Thammajinda R (2013), *Community participation and social capital in tourism planning and management in a Thai context*, Thesis of Doctor Philosophy, Lincoln University, New Zealand.
4. Attalla and Al-ehewate (2014), Evaluating study for elements affecting tourism awareness in Jordan: Applied on Aqaba and Wadi Rum Areas, *International Journal of Heritage, Tourism, and Hospitality*, 8(1), 58–71.
5. Jaworski, Gursoy (2004), Distance effects on residents' attitudes toward tourism, *Annals of Tourism Research*, 31(2), 296–312.
6. Tosun C (2000), *Limits to community participation in the tourism development process in developing countries*, *Tourism Management*, 21(6), 613–633.
7. Pretty, J. (1995), *The many interpretations of participation*, *World Development*, 23(8), 1251–1253.
8. Tosun C (1999), *Towards a Typology of Community Participation in the Tourism Development Process*, *Anatolia*, 10(2), 113–134.
9. Yamane, Taro (1967), *Statistical: An Introductory Analysis, 2nd Edition*, New York: Harper and Row.
10. Sherry Arnstein (1971), The ladder of citizen participation, *Journal of the Royal Town Planning Institute*, 57(1), 176–182.
11. Tổng cục du lịch Việt Nam (2013), *Bộ công cụ du lịch có trách nhiệm tại Việt Nam*, Chương trình Phát triển Năng lực Du lịch có trách nhiệm với Môi trường và Xã hội do Liên minh Châu Âu tài trợ.
12. Bùi Thị Hải Yến (2012), *Du lịch cộng đồng*, Nxb. Giáo dục Việt Nam.
13. Võ Quế (2006), *Du lịch cộng đồng – Lý thuyết và vận dụng (Tập 1)*, Nxb. Khoa học và kỹ thuật
14. Nguyễn Bùi Anh Thư, Trương Thị Thu Hà, Lê Minh Tuấn (2019), *Sự tham gia của người dân địa phương trong phát triển du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng tại rừng dừa Bảy Mẫu Cẩm Thanh – Hội an*, Tạp chí Khoa học, Đại học Huế.

15. Nguyễn Đoàn Hạnh Dung, Trương Thị Thu Hà (2020), Sự tham gia của cộng đồng địa phương trong phát triển du lịch tại làng Thanh Thủy Chánh, Huế, *Tạp chí Khoa học, Đại học Huế*.
16. Phạm Trung Lương (2000), *Tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
17. Kantsperger (2019), *Local Participation in Tourism Development-Roles of Non-Tourism Related Residents of the Alpine Destination Bad Reichenhall*.